

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

VietGAHP

**QUY TRÌNH THỰC HÀNH CHĂN NUÔI TỐT
CHO CHĂN NUÔI GÀ TẠI VIỆT NAM**

**Good Animal Husbandry Practices
for Chicken Production in Vietnam**

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2015

Luật bản quyền (Copyright) : ©VietGAHP

VietGAHP được bảo vệ theo Luật bản quyền. Ngoại trừ những điều khoản cho phép được ghi trong Luật bản quyền, cấm in ấn VietGAPH dưới bất cứ hình thức nào nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Copyright protects this publication. Except for purposes permitted by the Copyright Act, this document is protected and any other reproduction by whatsoever means is prohibited without the prior written permission of the Ministry of Agriculture & Rural Development.

QUY TRÌNH

Thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi gà tại Việt Nam

(VietGAHP chăn nuôi gà)

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4653/QĐ-BNN-CN ngày 10 tháng 11 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh: Quy trình này khuyến khích áp dụng để chăn nuôi gà tốt nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm thịt, trứng an toàn thực phẩm; an toàn môi trường, sức khỏe vật nuôi và phúc lợi xã hội cho người lao động.

1.2. Đối tượng áp dụng: Chủ cơ sở chăn nuôi gà; tổ chức, cá nhân chứng nhận VietGAHP chăn nuôi gà trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Giải thích từ ngữ

2.1. VietGAHP (Vietnam Good Animal Husbandry Practices) cho chăn nuôi gà là quy trình thực hành tốt trong chăn nuôi gà.

2.2. An toàn sinh học (ATSH) trong chăn nuôi gà: Là các biện pháp kỹ thuật và quản lý nhằm ngăn ngừa và hạn chế sự lây nhiễm của các tác nhân gây bệnh có khả năng gây hại đến con người, vật nuôi và hệ sinh thái.

2.3. Chất thải trong chăn nuôi gà bao gồm chất thải rắn, chất thải lỏng và chất thải khí. Chất thải rắn bao gồm phân, gà chết... Chất thải lỏng là nước rửa chuồng trại, trạm ấp trứng và rửa các dụng cụ dùng trong chăn nuôi và ấp trứng. Chất thải khí gồm H₂S, NH₃.

Chương II

NỘI DUNG QUY TRÌNH

1. Địa điểm

1.1. Khoảng cách từ trang trại đến trường học, bệnh viện, khu dân cư, nơi thường xuyên tập trung đông người, đường giao thông chính, nguồn nước mặt tối thiểu 100m.

2. Bố trí khu chăn nuôi

2.1. Trại chăn nuôi phải có bố trí phù hợp, đảm bảo phòng chống cháy nổ, dễ dàng vệ sinh, đảm bảo ATSH, bố trí riêng biệt các khu chuồng, kho thức ăn, thuốc thú y, vật tư; công trình cấp nước và khu xử lý chất thải.

2.2. Trại chăn nuôi phải có tường hoặc hàng rào bao quanh hoặc nuôi nhốt hoàn toàn hoặc biệt lập để hạn chế người, động vật và phương tiện ra vào trại.

3. Chuồng nuôi và thiết bị chăn nuôi

3.1. Chuồng nuôi gà phải được thiết kế phù hợp với từng lứa tuổi của gà và mục đích sản xuất, chuồng nuôi gà con phải có biện pháp chống chuột và động vật khác. Tường, nền chuồng và rãnh thoát nước đảm bảo để vệ sinh.

3.2. Các thiết bị, dụng cụ sử dụng trong quá trình chăn nuôi gà phải đảm bảo an toàn và để vệ sinh, tẩy rửa.

4. Giống và quản lý chăn nuôi

4.1. Gà giống mua về nuôi phải có nguồn gốc rõ ràng, khỏe mạnh, có giấy kiểm dịch theo quy định và có bản công bố tiêu chuẩn chất lượng kèm theo.

4.2. Gà giống sản xuất tại cơ sở phải thực hiện công bố tiêu chuẩn cơ sở hoặc công bố tiêu chuẩn áp dụng.

4.3. Phải có quy trình chăn nuôi cho từng giống gà theo mục đích sử dụng và thực hiện đúng quy trình chăn nuôi.

4.4. Áp dụng phương thức quản lý "cùng vào-cùng ra" theo thứ tự ưu tiên là: cả khu \Rightarrow từng dãy \Rightarrow từng chuồng \Rightarrow từng ô.

5. Vệ sinh chăn nuôi

5.1. Trại phải có đầy đủ trang thiết bị và quy trình vệ sinh, tiêu độc, khử trùng, đảm bảo ATSH.

5.2. Tất cả mọi người khi vào, ra trại thực hiện đầy đủ các biện pháp vệ sinh khử trùng.

5.3. Các phương tiện ra vào trại đều phải thực hiện vệ sinh và khử trùng.

5.4. Phát quang bụi rậm xung quanh khu chuồng nuôi; định kỳ vệ sinh hệ thống cống rãnh.

5.5. Sau mỗi đợt nuôi hoặc sau khi chuyển đàn phải làm sạch và khử trùng chuồng, thiết bị trong chuồng và để trống chuồng ít nhất 15 ngày.

6. Quản lý thức ăn và nước uống

6.1. Quản lý thức ăn

6.1.1. Thức ăn không chứa các chất gây tồn dư, độc tố nấm mốc và các vi sinh vật có hại làm ảnh hưởng đến sức khỏe vật nuôi và sức khỏe người tiêu dùng, theo quy định hiện hành.

6.1.2. Thức ăn dự trữ phải được bảo quản trong kho đảm bảo khô ráo, thoáng, chống được động vật và côn trùng gây hại; không để quá hạn sử dụng.

6.1.3. Thường xuyên kiểm tra và vệ sinh khu vực sản xuất thức ăn, kho chứa thức ăn và nguyên liệu thức ăn để tránh gây ô nhiễm.

6.2. Quản lý nước uống

6.2.1. Nguồn nước cho chăn nuôi gà phải đảm bảo an toàn, định kỳ kiểm tra coliform tổng số và vi khuẩn hiếu khí theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-15 (Bảng 1 phần Phụ lục).

6.2.2. Kiểm tra thường xuyên hệ thống lọc, cấp nước cho trang trại chăn nuôi gà.

7. Quản lý dịch bệnh

7.1. Lập kế hoạch phòng trừ dịch bệnh cho đàn gà. Có quy trình phòng bệnh phù hợp các đối tượng gà và thực hiện đúng quy trình.

7.2. Chỉ sử dụng các loại thuốc thú y có trong Danh mục quy định được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

7.3. Khi có gà ốm phải nhốt ra khu nuôi cách ly để theo dõi xử lý; khi phát hiện có dịch bệnh phải báo cho cán bộ thú y để có biện pháp xử lý, phải ngừng xuất giống, sản phẩm và vật tư sử dụng trong chăn nuôi gà ra ngoài trại.

8. Quản lý chất thải và bảo vệ môi trường

8.1. Chất thải rắn phải được thu gom sau mỗi đợt nuôi, chuyển đến nơi tập trung và có biện pháp xử lý để tiêu độc khử trùng đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

8.2. Vị trí tập trung chất thải để xử lý phải ở cuối trại, xa khu chuồng nuôi, xa nơi cấp nước. Phải có quy trình xử lý chất thải trong trại chăn nuôi.

8.3. Chất thải lỏng phải được thu vào khu xử lý đảm bảo an toàn các chỉ tiêu Coli phân, coliform tổng số và Salmonella trước khi thải ra môi trường theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-15 (bảng 4. Phần phụ lục);

9. Kiểm soát động vật và côn trùng gây hại

9.1. Trại phải có chương trình kiểm soát động vật khác, loài gặm nhấm và côn trùng gây hại.

10. Quản lý nhân sự

10.1. Trại cần có sơ đồ tổ chức; có quy trình xử lý khẩn cấp khi có sự cố và tai nạn xảy ra.

10.2. Chủ trang trại phải thực hiện theo Luật lao động đối với người lao động trong trại.

10.3. Người lao động phải được tập huấn về quy trình chăn nuôi – thú y, các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn lao động.

11. Ghi chép, lưu trữ hồ sơ, truy nguyên nguồn gốc và thu hồi sản phẩm

Trang trại chăn nuôi gà phải lập sổ, ghi chép theo dõi và lưu trữ các thông tin trong quá trình chăn nuôi. Cụ thể như sau:

11.1. Thông tin chung của trại chăn nuôi: Tên trại chăn nuôi/chủ trại; Địa chỉ; Diện tích chuồng trại chăn nuôi; Sơ đồ chuồng nuôi.

11.2. Ghi chép nhập, xuất nguyên liệu hoặc thức ăn: Ngày, tháng, năm nhập; Loại thức ăn; Số lượng; Nguồn gốc; Ngày và lô sản xuất; Hạn sử dụng;

11.3. Ghi chép trộn thức ăn: Ngày, tháng, năm trộn; Loại khẩu phần; Dùng thuốc/chất bổ sung và liều lượng; Khu trại, dây chuồng hoặc ô chuồng sử dụng.

11.4. Ghi chép mua/chuyển gà: Ngày, tháng, năm mua/chuyển gà; Số lượng; Nguồn gốc; Giống gà; Lứa tuổi; tình trạng sức khỏe;

11.5. Ghi chép kế hoạch phòng bệnh: Quy trình phòng bệnh của trại; Ngày, tháng, năm sử dụng vắc xin; Tên vắc xin; Nguồn gốc vắc xin; Ngày và lô sản xuất; Liều lượng dùng cho các loại gà; Cách dùng;

11.6. Ghi chép xuất, bán gà: Ngày, tháng năm xuất bán; Loại gà; Số lượng bán ra (con); Khối lượng; Lý do; Ngày tiêm phòng/trị bệnh lần cuối; Loại vắc xin/ thuốc thú y đã sử dụng lần cuối;

Tất cả các sổ ghi chép trên được theo dõi thường xuyên và được lưu trữ tại trại ít nhất 12 tháng.

12. Tự kiểm tra (Kiểm tra nội bộ)

12.1. Chủ trang trại phải tổ chức tiến hành kiểm tra nội bộ ít nhất mỗi năm một lần.

12.2. Việc kiểm tra phải được thực hiện bằng bảng kiểm tra đánh giá; sau khi kiểm tra xong tổ chức, cá nhân chăn nuôi hoặc kiểm tra viên có nhiệm vụ ký vào bảng kiểm tra đánh giá. Bảng tự kiểm tra đánh giá, bảng kiểm tra (đột xuất, định kỳ) của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải được lưu trong hồ sơ.

12.3. Chủ trang trại chăn nuôi phải tổng kết và báo cáo kết quả tự kiểm tra cho cơ quan quản lý chất lượng khi có yêu cầu.

13. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại

13.1. Tổ chức, cá nhân chăn nuôi gà phải có mẫu đơn khiếu nại khi khách hàng yêu cầu.

13.2. Trong trường hợp có khiếu nại, tổ chức cá nhân chăn nuôi phải có trách nhiệm giải quyết theo quy định của pháp luật và lưu đơn thư khiếu nại cũng như kết quả giải quyết vào trong hồ sơ./.



Cao Đức Phát

BẢNG KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ VIETGAHP CHĂN NUÔI GÀ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4653/QĐ-BNN-CN ngày 10 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I. TIÊU CHÍ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Mức độ A = Bắt buộc thực hiện; B = Khuyến khích thực hiện

STT	Thực hành	Mức độ	Phương pháp	Có	Không	Yêu cầu điều chỉnh
1. Địa điểm						
1	Từ trang trại đến trường học, bệnh viện, khu dân cư, nơi thường xuyên tập trung đông người, đường giao thông chính, nguồn nước mặt có đạt khoảng cách tối thiểu 100m không?	A	Quan sát thực tế			
2. Bố trí khu chăn nuôi						
2	Trại chăn nuôi có bố trí phù hợp, đảm bảo phòng chống cháy nổ, dễ dàng vệ sinh, đảm bảo không làm ô nhiễm chéo giữa các khu vực, bố trí riêng biệt các khu chuồng, kho thức ăn, thuốc thú y, vật tư; công trình cấp nước và khu xử lý chất thải hay không?	B	Quan sát thực tế			
3	Trại chăn nuôi có tường hoặc hàng rào bao quanh hoặc nuôi nhốt hoàn toàn hoặc biệt lập để hạn chế người, động vật và phương tiện ra vào trại không?	B	Quan sát thực tế			
3. Chuồng nuôi và thiết bị chăn nuôi						
4	Chuồng nuôi gà có được thiết kế phù hợp với từng lứa tuổi của gà và mục đích sản xuất không? chuồng nuôi gà con có biện pháp chống chuột và động vật khác không? Tường, nền chuồng và rãnh thoát nước đảm bảo dễ vệ sinh không?	A	Quan sát thực tế			
5	Các thiết bị, dụng cụ sử dụng trong quá trình chăn nuôi gà có đảm bảo an toàn và dễ vệ sinh, tẩy rửa không?	B	Quan sát thực tế			
4. Giống và quản lý chăn nuôi						
6	Gia cầm giống mua về nuôi có nguồn gốc rõ ràng, có giấy kiểm dịch theo quy định không?	A	Kiểm tra hồ sơ			
7	Gia cầm giống sản xuất tại cơ sở có thực hiện công bố tiêu chuẩn không? hoặc có công bố tiêu chuẩn áp dụng không?	A	Kiểm tra thực tế			

STT	Thực hành	Mức độ	Phương pháp	Có	Không	Yêu cầu điều chỉnh
8	Có quy trình chăn nuôi cho từng giống gà theo mục đích sử dụng và thực hiện đúng quy trình chăn nuôi không?	A	Kiểm tra thực tế			
9	Có áp dụng phương thức quản lý "cùng vào-cùng ra" theo thứ tự ưu tiên là: cả khu ⇒ từng dãy ⇒ từng chuồng ⇒ từng ô không?	A	Kiểm tra thực tế			
5. Vệ sinh chăn nuôi						
10	Trại có đầy đủ dụng cụ, thiết bị và quy trình vệ sinh, tiêu độc khử trùng, đảm bảo ATSH?	B	Quan sát thực tế			
11	Tất cả mọi người khi vào, ra trại có thực hiện đầy đủ các biện pháp vệ sinh, khử trùng không?	A	Quan sát thực tế			
12	Các phương tiện vào ra trại có thực hiện vệ sinh và khử trùng không?	A	Quan sát thực tế			
13	Có phát quang bụi rậm xung quanh khu chuồng nuôi không? Có định kỳ vệ sinh hệ thống cống rãnh?	B	Quan sát thực tế			
14	Sau mỗi đợt nuôi hoặc sau khi chuyển đàn có làm sạch và khử trùng chuồng, thiết bị trong chuồng và để trống chuồng ít nhất 15 ngày không?	A	Kiểm tra việc ghi chép			
6. Quản lý thức ăn và nước uống						
15	Thức ăn có bảo đảm không chứa các chất gây tồn dư, độc tố nấm mốc và các vi sinh vật có hại làm ảnh hưởng đến sức khỏe vật nuôi và sức khỏe người tiêu dùng theo quy định hiện hành không?	A	Xem kết quả phân tích hoặc lấy mẫu phân tích			
16	Thức ăn dự trữ có được bảo quản trong kho khô ráo, thoáng, chống được động vật và côn trùng gây hại không? có bảo đảm không để quá hạn sử dụng không?	A	Quan sát thực tế			
17	Nguồn nước cho chăn nuôi gà có định kỳ kiểm tra coliform tổng số và vi khuẩn hiếu khí theo Quy chuẩn quốc gia không (QCVN 01-15)?	A	Xem kết quả phân tích hoặc lấy mẫu phân tích			
18	Có kiểm tra thường xuyên hệ thống lọc, cấp nước cho trang trại chăn nuôi gà không?	B	Quan sát thực tế			

STT	Thực hành	Mức độ	Phương pháp	Có	Không	Yêu cầu điều chỉnh
8. Quản lý dịch bệnh						
19	Có lập kế hoạch phòng trừ dịch bệnh cho đàn gà. Có đầy đủ quy trình phòng bệnh không?	B	Kiểm tra thực tế			
20	Khi phát hiện có dịch bệnh phải báo cho cán bộ thú y để có biện pháp xử lý, phải ngừng xuất giống, sản phẩm và vật tư sử dụng trong chăn nuôi gà ra ngoài trại không?	A	Kiểm tra thực tế và phỏng vấn nhân viên			
9. Quản lý chất thải và bảo vệ môi trường						
21	Có vị trí tập trung chất thải để xử lý ở cuối trại, xa khu chuồng nuôi, xa nơi cấp nước không? Có quy trình xử lý chất thải trong trại chăn nuôi không?	A	Quan sát thực tế			
22	Chất thải rắn có được thu gom sau mỗi đợt nuôi chuyển đến nơi tập trung và có biện pháp xử lý để tiêu độc khử trùng trước khi sử dụng vào mục đích khác hay không?	A	Quan sát thực tế, phỏng vấn			
23	Chất thải lỏng có được thu vào khu xử lý đảm bảo an toàn các chỉ tiêu Coli phân, coliform tổng số và Salmonella trước khi thải ra môi trường theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-15 không?	A	Xem kết quả phân tích hoặc lấy mẫu nước thải để kiểm tra			
10. Kiểm soát động vật và côn trùng gây hại						
24	Trại có chương trình kiểm soát động vật khác, loài gặm nhấm và côn trùng gây hại không?	A	Quan sát thực tế và phỏng vấn nhân viên			
11. Quản lý nhân sự						
25	Có quy trình xử lý khẩn cấp khi có sự cố và tai nạn xảy ra ?	B	Xem quy trình			
26	Người lao động có được thực hiện theo Luật Lao động ?	B	Phỏng vấn nhân viên			
27	Người lao động có được tập huấn về quy trình chăn nuôi, thú y, các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn lao động và bảo vệ môi trường không?	A	Phỏng vấn nhân viên			

STT	Thực hành	Mức độ	Phương pháp	Có	Không	Yêu cầu điều chỉnh
12. Ghi chép, lưu trữ hồ sơ						
28	Trang trại chăn nuôi gà có lập các sổ, ghi chép theo dõi đầy đủ và lưu trữ các thông tin trong quá trình chăn nuôi?	A	Xem xét thực tế			
13. Tự kiểm tra (Kiểm tra nội bộ)						
29	Có tiến hành kiểm tra nội bộ định kỳ mỗi năm một lần không?	A	Kiểm tra thực tế			
30	Có bảng kiểm tra đánh giá nội bộ đã được ký và có lưu trong hồ sơ không?	A	Kiểm tra thực tế			
14. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại						
31	Trang trại có sẵn mẫu đơn khiếu nại không? và có lưu giữ hồ sơ khiếu nại của khách hàng và phương pháp giải quyết không?	B	Kiểm tra thực tế			

II. XỬ LÝ KẾT QUẢ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ:

- Tổng số tiêu chí đánh giá là 31 tiêu chí, gồm 21 tiêu chí loại A và 10 tiêu chí loại B
- Cơ sở chăn nuôi gà được cấp chứng nhận phải đạt được: 21 tiêu chí loại A và 5 tiêu chí loại B trở lên.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

**MẪU BIỂU GHI CHÉP
CỦA CƠ SỞ CHĂN NUÔI GÀ AN TOÀN THEO VIETGAHP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4653/QĐ-BNN-CN ngày 10 tháng 11 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Tên tổ chức/ cá nhân:

Lứa chăn nuôi:

Năm:

Phần thứ nhất
THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên cơ sở chăn nuôi:.....

2. Địa chỉ: Thôn: Xã:.....
Huyện: Tỉnh:.....

3. Điện thoại:

4. Tên giống gà:

5. Mua tại cơ sở nào:

6. Ngày tháng bắt đầu nuôi:


7. Lứa tuổi lúc bắt đầu nuôi:

8. Số lượng (con):

9. Phương thức chăn nuôi:

10. Diện tích chuồng nuôi:

11. Kiểu chuồng nuôi:

12. Diện tích toàn bộ khu vực chăn nuôi: 

Phần thứ hai
CÁC BIỂU MẪU GHI CHÉP

Biểu 1: Theo dõi ghi chép hàng ngày

Ngày, tháng, năm (1)	Số lượng gà (con) (2)	Số lượng thức ăn (kg) (3)	Số lượng trứng (quả) (4)	Tình trạng đàn gà (5)	Số lượng loại thải, chết (con) (6)

Biểu 2: Theo dõi mua thức ăn chăn nuôi

Ngày, tháng, năm (1)	Tên thức ăn (2)	Số lượng (kg) (3)	Đơn giá (đồng/kg) (4)	Tên người, cửa hàng/đại lý bán và địa chỉ (5)

Biểu 3: Theo dõi mua nguyên liệu thức ăn chăn nuôi

Ngày, tháng, năm (1)	Tên nguyên liệu thức ăn (2)	Số lượng (kg) (3)	Đơn giá (đồng/kg) (4)	Tên người, cửa hàng/đại lý bán và địa chỉ (5)

Biểu 4: Theo dõi mua gà giống

Ngày tháng năm (1)	Số lượng mua (con) (2)	Cơ sở bán (3)	Giống gà (4)	Ghi chú (5)

Biểu 5: Theo dõi mua vaccin và thuốc thú y

Ngày, tháng, năm (1)	Tên vaccin và thuốc (2)	Số lượng (liều, kg, g, gói...) (4)	Giá (đồng/liều, kg, g, gói...) (5)	Tên người, cửa hàng/đại lý bán/nhà sản xuất và địa chỉ (6)	Cách bảo quản (để trong tủ lạnh, để bên ngoài) (7)

Biểu 6: Theo dõi sử dụng vaccin và thuốc thú y

Ngày, tháng, năm (1)	Loại vaccin hoặc thuốc thú y (2)	Mã số, hạn sử dụng (3)	Cách sử dụng (tiêm nhỏ, cho uống) (4)	Liều lượng sử dụng (5)	Tình trạng đàn gà sau khi sử dụng (6)	Số lượng loại thái, chết (con) (7)

Biểu 7: Theo dõi sử dụng thuốc sát trùng

Ngày, tháng, năm (1)	Tên thuốc sát trùng (2)	Số lượng thuốc (3)	Diện tích phun (4)	Loại máy/dụng cụ phun (5)	Tên người phun (6)

Biểu 8: Theo dõi sức khỏe đàn gà

Ngày, tháng, năm (1)	Số lượng (con) (2)	Triệu chứng (biểu hiện) (3)	Số lượng ốm (con) (4)	Số lượng chết (con) (5)	Nguyên nhân sơ bộ (6)

Biểu 9: Theo dõi xử lý xác gà (đánh dấu X vào các ô)

Ngày, tháng, năm (1)	Số lượng (con) (2)	Chôn (con) (3)	Đốt (con) (4)	Phương pháp khác (5)	Vứt xuống ao hồ (6)	Tên người xử lý (7)

Biểu 10: Theo dõi lấy mẫu xét nghiệm

Ngày, tháng, năm (1)	Mẫu xét nghiệm (máu, cả con, nội tạng) (2)	Lý do gửi xét nghiệm (3)	Nơi gửi xét nghiệm (4)	Kết luận của cơ quan xét nghiệm (5)	Kế hoạch kiểm soát (6)	Tên người lấy mẫu (7)

Biểu 11: Theo dõi xuất bán gà giống, gà thịt

Ngày, tháng, năm (1)	Loại sản phẩm (2)	Số lượng (con) (3)	Tổng khối lượng bán ra (kg) (4)	Tên người mua, địa chỉ (5)	Tên người bán (6)

Biểu 12: Theo dõi xuất bán trứng gà

Ngày, tháng, năm (1)	Số lượng (quả) (2)	Tên người mua, địa chỉ (3)	Tên người bán (4)

Biểu 13: Danh sách nhân công

Tên công nhân (1)	Số giấy chứng minh (2)	Địa chỉ (3)

0